TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 28/02/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 224/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 18/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-DS ngày 02/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Viết X (có mặt); bà Nguyễn Thị K (vắng mặt).
Trú tại: Thôn X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
(Bà Nguyễn Thị K ủy quyền cho ông Nguyễn Viết X tham gia tố tụng).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H (có mặt); bà Nguyễn Thị Thúy L (vắng mặt).
Trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
(Bà Nguyễn Thị Thúy L có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.
Trú tại: Thôn A, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
(Ông Đ có đơn từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2022, vợ chồng ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Thúy L có vay của vợ chồng ông X, bà K số tiền 280.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận sau 02 tháng sẽ trả cả gốc và lãi là 1,5%/tháng.

Nhưng đến hạn trả nợ và cho đến nay, mặc dù ông X, bà K đã đòi nhiều lần nhưng ông H, bà L vẫn không trả. Ông X, bà K đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân

huyện Ea Kar, sau đó ông H, bà L hứa sẽ trả nên ông X, bà K rút đơn khởi kiện. Nhưng sau khi ông X, bà K rút đơn thì ông H, bà L không trả tiền như đã hứa.

Ngày 13/7/2023, ông X, bà K có làm đơn trình bày sự việc và yêu cầu ông H, bà L trả tiền gửi đến Ủy ban nhân dân xã Cư Ni nhờ xử lý, nhưng ông H, bà L không đến để giải quyết.

Vì vậy, nay ông X, bà K khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải trả số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 01/7/2022 đến nay với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Khi vay, các bên thỏa thuận thời hạn trả là 02 tháng, nhưng trong giấy vay ông X quên không ghi, nên sau này ông X có ghi thêm thời hạn trả vào giấy vay như các bên đã thỏa thuận.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Hữu H trình bày:*

Ngày 10/9/2019, gia đình ông H cần số tiền 90.000.000 đồng để trả cho chị Lê Thị T1 vì trước đó có nhờ chị Thu vay ngân hàng Sacombank với số tiền 200.000.000 đồng. Khi đến hạn ông H chỉ có số tiền 123.000.000 đồng, còn thiếu 90.000.000 đồng nên nhờ ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị T (ông Đ, bà T nhận vợ chồng ông H làm con; chị T1 là con ruột của ông, bà). Ông Đ, bà T không có tiền, nên ông Đông gọi cho ông X vì trước đó ông X có nói ai vay tiền thì giới thiệu ông cho vay với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày.

Ông Đ gọi điện cho ông X, sau đó ông H chở ông Đ xuống nhà ông X. Ông X đồng ý cho ông H vay 90.000.000 đồng nhưng với điều kiện là ông Đ ký làm chứng và đảm bảo cho ông X, vì giữa ông X và ông H chưa biết nhau. Sau đó ông X viết giấy vay tiền, ông H và ông Đ đều ký. Số tiền vay là 90.00.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1triệu/1ngày. Trong vòng 02 tháng phải trả gốc, còn lãi suất trả theo từng tháng, mỗi tháng 8.100.000 đồng, tháng nào có 31 ngày thì tính thêm 1 ngày nữa.

Mới vay được 07 ngày (ngày 17/9/2019) thì ông Đ gọi ông H đến nhà. Khi đến thì thấy ông X đang ở đó. Ông X nói để đảm bảo cho khoản vay thì ông Đ, bà T phải cho ông H mượn bìa đỏ thế chấp cho ông X. Ông Đ, bà T đồng ý, ông X viết giấy thế chấp bìa đỏ số AP 489530 mang tên hộ ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, do UBND huyện Ea Kar cấp ngày 04/6/2009; ông Đ, bà T và tôi ký vào giấy thế chấp. Giấy vay và giấy thế chấp ông X đều giữ.

Đến ngày 10/11/2019, ông H đóng lãi cho ông X 02 tháng với tổng số tiền là 16.470.000 đồng. Do lãi quá cao nên ông H nói với ông X tính lãi tháng cho ông H, ông X nói qua tết năm 2020 sẽ xem xét.

Đến ngày 10/01/2020, ông H cầm số tiền 15.000.000 đồng vào nhà ông X để đóng lãi thì ông X nói ghi lại giấy rồi tính. Do lãi chậm nên ông X cộng tiền lãi vào thành tiền gốc là 16.200.000 đồng + 90.000.000 đồng = 106.200.000 đồng. Ông H đóng lãi tháng đó là 9.600.000 đồng.

Sau đó do khó khăn nên ông H không đóng lãi theo tháng được nữa. Ngày 10/3/2020, ông X gọi ông H yêu cầu trả tiền lãi thì ông H nói cho ông H chậm trả. Đến ngày 10/6/2020, ông X nói chưa đóng được lãi thì vào ký lại giấy vay. Ông H đến và nói ông X tính lãi tháng 2%, nhưng ông X cộng 05 tháng tiền lãi vào thành

tiền gốc: 01 tháng 9.600.000 đồng x 5 tháng = 48.000.000 đồng. 106.200.000 gốc + 48.000.000 đồng = 154.200.000 đồng.

Ngày 10/10/2020, ông H cầm 32.000.000 đồng đến nhà ông X xin trả tiền gốc, nhưng ông X không đồng ý, ông X tính vào tiền lãi nên ông H cũng phải chấp nhận. Như vậy, tổng cộng tiền lãi ông H đã trả cho ông X hơn 57.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2022, ông Đ, bà T đòi lại bìa đỏ nên ông H xin ông X trả lại bìa đỏ nhưng ông X không cho. Ngày 22/7/2022, ông X nói giờ tính lãi tháng là 1,5%, ông H đồng ý. Nhưng khi ông X đưa giấy vay mới do ông X viết sẵn (ghi ngày 01/7/2022) thì ông H thấy số tiền lên tới 280.000.000 đồng nên không đồng ý. Ông H đứng dậy định đi về thì ông X nói cứ ký đi, giấy vay không ghi thời gian trả nợ, khi nào có tiền thì trả. Vì muốn lấy lại bìa đỏ trả cho ông Đ, bà T nên ông H nói ông X trả lại bìa đỏ thì ông H ký. Ông X nói ông H xuống nhà ký giấy vay tiền thì trả bìa đỏ. Ông H xuống nhà ông X ký vào giấy vay tiền và lấy bìa đỏ về trả cho ông Đ, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H chỉ đồng ý trả cho ông X số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng từ 01/7/2022 đến nay. Tại phiên tòa, ông H đồng ý trả cho ông X số tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng từ 01/7/2022 đến nay. Tiền lãi đã trả thì ông H không tính nữa.

Khi ông X gửi đơn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Ni yêu cầu trả nợ thì ông H có nhận được giấy mời của nhưng ông H không đến giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn Đ trình bày:

Tôi với ông H có quan hệ hàng xóm với nhau. Trước đây vợ chồng tôi có cho ông H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, còn vay tiền của ai thì tôi không có biết. Tôi và ông H có xác nhận sự việc anh H có mượn bìa của tôi và hiện nay bìa mà ông H mượn, ông H đã trả lại cho vợ chồng tôi nên tôi không còn giữ bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc mượn bìa trên nữa.

Ông H cho rằng tôi cho ông H mượn bìa để thế chấp cho ông X thì tôi không có biết sự việc trên. Nay ông X khởi kiện vợ chồng ông H, bà L về việc vay mượn tiền với nhau thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết X, bà Nguyễn Thị K. Buộc ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Viết X, bà Nguyễn Thị K số tiền nợ nợ gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận 1,5%/tháng từ ngày 01/7/2022 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/7/2022, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Thúy L có vay của ông Nguyễn Viết X, bà Nguyễn Thị K số tiền 280.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa các bên là có thật, được thể hiện bằng Giấy vay tiền ngày 01/7/2022. Theo đó, các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng; mục đích vay là để kinh doanh. Về thời hạn trả, theo nguyên đơn, các bên thỏa thuận là ngày 01/9/2022, nhưng ông X không ghi vào trong giấy vay tiền, nên sau này ông X có ghi thêm thời hạn trả vào giấy vay như các bên đã thỏa thuận. Ông X, bà K làm đơn yêu cầu ông H, bà L trả tiền gửi đến Ủy ban nhân dân xã Cư Ni nhờ xử lý, nhưng ông H, bà L không đến để giải quyết. Ông X, bà K đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, ông H, bà L hứa sẽ trả nên ông X, bà K rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó ông H, bà L không trả tiền như đã hứa. Ngày 13/7/2023, ông X, bà K có làm đơn trình bày sự việc và yêu cầu ông H, bà L trả tiền gửi đến Ủy ban nhân dân xã Cư Ni nhờ xử lý, nhưng ông H, bà L không đến để giải quyết. Vì vậy, nay ông X, bà K khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải trả số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 01/7/2022 đến nay với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Ông H, bà L không đồng ý với yêu cầu của ông X, bà K vì ông H, bà L cho rằng, do cần tiền để trả nợ ngân hàng nên vào ngày 10/9/2019, ông H, bà L chỉ vay ông X, bà K số tiền 90.000.000 đồng. Trước khi vay ông H nhờ ông Đ gọi điện cho ông X, sau đó đi cùng ông H xuống nhà ông X. Ông X yêu cầu ông H phải thế chấp 01 Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 489530 của ông Đ, bà T và ông X ký làm chứng vào giấy vay tiền. Lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày. Sau khi vay, ông H, bà L đã trả được hơn 57.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 22/7/2022, do lãi suất thỏa thuận quá cao và ông H cần lấy lại Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho ông Đ, bà T nên ông H, bà L buộc phải ký lại giấy vay tiền do ông X viết với số tiền là 280.000.000 đồng, ngày vay ông X ghi ngày 01/7/2022. Do đó, nay ông H chỉ đồng ý trả cho ông X số tiền gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng từ 01/7/2022 đến nay. Tuy nhiên, ông H, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, xét lời trình bày của ông Đ thì vợ chồng ông Đ có cho ông H mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền và hiện nay ông H đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Còn việc ông H vay tiền của ai thì ông Đ không biết; ông Đ cũng không biết việc ông H vay tiền của ông X. Do đó, lời

trình bày và ý kiến của ông H, bà L là không có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, bà K.

- Về lãi suất: Theo giấy vay tiền ngày 01/7/2022, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/ tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tiền lãi cụ thể như sau: 280.000.000 đồng x 1,5%/ tháng x 19 tháng 27 ngày (từ ngày 01/7/2022 đến ngày 28/02/2024) = 83.580.000 đồng.

Từ những căn cứ và nhận định trên, xét thấy việc ông H, bà L không trả nợ cho ông X, bà K là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ, phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận. Buộc ông H, bà L phải trả cho ông X, bà K tổng số tiền nợ là 363.580.000 đồng, trong đó, nợ gốc 280.000.000 đồng, tiền lãi là 83.580.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 9.089.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469, Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết X, bà Nguyễn Thị K. Buộc ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho ông X, bà K tổng số tiền nợ là 363.580.000 đồng, trong đó, nợ gốc 280.000.000 đồng, tiền lãi là 83.580.000 đồng (tính đến ngày 28/02/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 9.089.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải